

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	13 - 35
8. Phụ lục 01	36
9. Phụ lục 02	37 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 ngày 28 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 01 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ Công ty.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 09 năm 2005 về việc giảm vốn Nhà nước.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2007, lần thứ 5 ngày 03 tháng 01 năm 2008 và lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỉ lệ (%)
A/ Cổ đông sáng lập	1.188.952	11.889.520.000	10,48
1. Lương Hoàng Mạnh	331.970	3.319.700.000	2,93
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	264.600	2.646.000.000	2,33
3. Nguyễn Thị Chính	259.000	2.590.000.000	2,28
4. Trần Thị Bé Năm	203.280	2.032.800.000	1,79
5. Ngô Thị Thó	130.102	1.301.020.000	1,15
B/ Cổ đông khác	10.150.912	101.509.120.000	89,52
Cộng	11.339.864	113.398.640.000	100,00

Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : Lô 24 – Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Điện thoại : (0710) 3.841.294
Fax : (0710) 3.841.192
E-mail : mkf@hcm.vnn.vn
Website : www.mekongfish.vn
Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản, gạo và các loại nông sản. Nhập khẩu vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, sản xuất con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản. Nhập khẩu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Nhập khẩu kinh doanh phân bón, sắt thép các loại. Đầu tư tài chính. Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê. Du lịch lữ hành nội địa, kinh doanh nhà hàng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.AAM.2011 ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, lợi nhuận năm 2010 được phân phối như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
1. Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	2.283.740.838
2. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.567.481.675
3. Chi trả cổ tức cho cổ đông	31.819.592.000
4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	293.850.000
5. Bổ sung vào nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.710.152.241
Cộng	<u>45.674.816.754</u>

Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ và tạm ứng cổ tức cho các cổ đông như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận)	3.199.859.621
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận)	6.399.719.241
Trích lập Quỹ thưởng Ban điều hành	412.832.415
Tạm ứng cổ tức đợt 01 của năm nay (18% vốn điều lệ)	16.455.355.200
Cộng	<u>26.467.766.477</u>

Theo Biên bản số 11/BB-HĐQT.AAM.2011 ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, dự kiến chia cổ tức đợt 02 của năm 2011 là 12% mệnh giá.

Theo Biên bản số 13/BB-HĐQT.AAM.2011 ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị, dự kiến bán căn biệt thự tọa lạc tại số B1-34, Lô H5 – Khu Phố Mỹ Hoàng (Phú Mỹ Hưng), phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

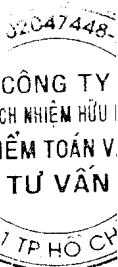
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
5. Ngô Thị Thó	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Dương Thị Lệ Thủy	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2010	-
2. Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-
3. Lê Yến Nhi	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Giám đốc	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
4. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
5. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	07 tháng 7 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

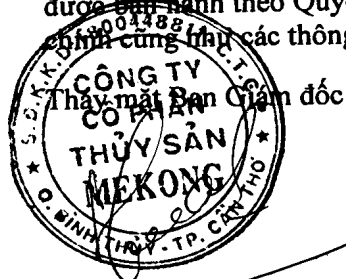
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0039/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.859.019.258	249.309.682.154
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.648.277.426	76.365.463.774
1.	Tiền	111		27.148.277.426	25.165.463.774
2.	Các khoản tương đương tiền	112		22.500.000.000	51.200.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.274.203.072	2.225.235.840
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.873.153.398	2.269.978.364
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(598.950.326)	(44.742.524)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.874.864.845	113.858.425.265
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	76.316.874.136	79.159.395.978
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	946.701.626	982.637.620
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	19.613.289.083	33.716.391.667
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.000.000)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		87.173.377.515	48.728.821.217
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	87.173.377.515	48.728.821.217
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.888.296.400	8.131.736.058
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.237.248.325	4.200.324.026
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	41.305.332	267.951.289
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	11.609.742.743	3.663.460.743

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.117.656.044	82.026.556.210
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		73.113.801.722	75.290.713.120
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	37.283.335.176	42.166.650.459
	<i>Nguyên giá</i>	222		75.581.352.310	73.176.743.754
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.298.017.134)	(31.010.093.295)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.782.407.877	18.574.409.341
	<i>Nguyên giá</i>	228		29.416.777.800	19.758.224.300
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.634.369.923)	(1.183.814.959)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	8.048.058.669	14.549.653.320
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.294.920.000	5.827.811.600
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.634.920.000	7.857.811.600
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(2.340.000.000)	(2.030.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2.708.934.322	908.031.490
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.840.000.000	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	868.934.322	908.031.490
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		329.976.675.302	331.336.238.364

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		42.823.729.517	39.675.642.548
I. Nợ ngắn hạn		310		35.871.184.042	32.460.151.674
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	1.540.000.000	1.540.000.000
2. Phải trả người bán		312	V.18	6.024.096.581	11.874.357.860
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	3.087.036.765	634.222.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	3.000.585.389	1.952.748.447
5. Phải trả người lao động		315	V.21	6.857.672.315	3.577.683.961
6. Chi phí phải trả		316	V.22	3.307.967.950	2.030.159.960
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	1.153.581.665	1.026.627.246
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	10.900.243.377	9.824.352.200
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		6.952.545.475	7.215.490.874
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.25	3.035.000.000	2.093.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.26	3.080.000.000	4.620.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.27	837.545.475	502.490.874
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		287.152.945.785	291.660.595.816
I. Vốn chủ sở hữu		410		287.152.945.785	291.660.595.816
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.28	113.398.640.000	113.398.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.28	152.960.690.000	152.960.690.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.28	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.28	(49.107.793.399)	(24.702.485.808)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.28	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.28	11.472.883.445	8.273.023.824
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.28	51.302.918.298	34.605.120.359
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		329.976.675.302	331.336.238.364

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			824.845,86	693.475,32
Euro (EUR)			362,03	353,10
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

ngày 20 tháng 01 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	640.620.122.323	512.557.289.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.323.809.074	12.154.592.124
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	639.296.313.249	500.402.697.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	526.645.101.309	406.929.607.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112.651.211.940	93.473.089.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.792.791.306	27.313.146.577
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.138.971.336	12.784.071.884
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.014.039.540	751.602.737
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	40.978.991.239	46.729.429.096
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.424.100.538	11.128.524.067
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.901.940.133	50.144.210.859
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.252.997.780	501.610.343
12. Chi phí khác	32	VI.8	632.776.913	109.989.217
13. Lợi nhuận khác	40		620.220.867	391.621.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.522.161.000	50.535.831.985
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	14.485.871.416	4.296.609.918
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	39.097.168	564.405.313
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>63.997.192.416</u>	<u>45.674.816.754</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>6.647</u>	<u>4.075</u>



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.522.161.000	50.535.831.985
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	8.228.165.329	7.677.011.962
- Các khoản dự phòng	03		866.207.802	(2.296.573.376)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	187.901.923	1.266.392.667
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.915.356.663)	(4.854.190.159)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.014.039.540	751.602.737
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.903.118.931	53.080.075.816
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.404.206.551	(27.530.876.968)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.444.556.298)	3.487.651.062
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.631.604.418	(11.228.666.721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.840.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.016.157.040)	(739.564.935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.436.355.960)	(12.517.829.071)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.009.000.000	2.020.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.071.635.515)	(6.261.823.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.139.225.087	308.965.442
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.135.178.895)	(9.848.754.048)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	363.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(85.537.955.509)
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.163.147.350)	89.474.236.295
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.263.583.938	7.549.279.122
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.713.124.756	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.042.018.813	1.636.805.860

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(24.405.307.591)	(24.702.485.808)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17, V.26	4.000.000.000	26.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17, V.26	(5.540.000.000)	(28.443.031.218)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.935.083.200)	(28.349.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(62.880.390.791)	(54.595.177.026)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(26.699.146.891)	(52.649.405.724)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.365.463.774	128.442.791.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.039.457)	572.078.322
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	49.648.277.426	76.365.463.774

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



ngày 20 tháng 01 năm 2012

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 771 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 853 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

47446
IG TY
EM HỮU
TOÁN V
VÂN
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các đơn vị trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

102
CỔ
ÁCH
KIẾN
T
VIT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	0%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.383.235	5.651.888
Tiền gửi ngân hàng	27.141.894.191	25.159.811.886
Các khoản tương đương tiền (*)	22.500.000.000	51.200.000.000
Cộng	<u>49.648.277.426</u>	<u>76.365.463.774</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu		- 2.873.153.398		- 2.269.978.364
Cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Việt		-	32.000	447.046.600
Cổ phiếu Công ty cổ phần Việt An		-	5.000	103.603.500
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng Khoán Áu Việt	87.000	357.535.498		-
Cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt	4.900	258.457.101		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh	33	561.000		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	24.000	158.622.572	3.000	36.636.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	12.920	217.528.804	31.000	659.598.940
Cổ phiếu Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh		-	7.000	114.914.800
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hoàng Long		-	51.960	640.363.724
Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo	9.500	81.421.950		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư Kinh Doanh Nhà	43.000	493.270.794		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long	4.000	38.057.000		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải Dầu Khí	78.500	358.987.666		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	58.000	908.711.013		-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành		-	7.000	114.914.800
Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam		-	15.290	152.900.000
Cộng		<u>2.873.153.398</u>		<u>2.269.978.364</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	44.742.524
Trích lập dự phòng	554.207.802
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	<u>598.950.326</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	773.246.175	1.312.737.440
Khách hàng nước ngoài	75.543.627.961	77.846.658.538
Cộng	<u>76.316.874.136</u>	<u>79.159.395.978</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. **Trả trước cho người bán**
Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

6. **Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Đại lý cá	18.805.157.000	33.209.000.000
Phải thu khác	808.132.083	507.391.667
Cộng	<u>19.613.289.083</u>	<u>33.716.391.667</u>

7. **Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.659.736.298	3.019.046.608
Công cụ, dụng cụ	719.998.345	757.375.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.290.558.081	23.580.614.005
Thành phẩm	70.503.084.791	21.371.784.999
Cộng	<u>87.173.377.515</u>	<u>48.728.821.217</u>

8. **Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế tạm nộp hàng nhập khẩu tái xuất	-	260.945.397
Thuế xuất nhập khẩu	41.305.332	6.653.272
Thuế tài nguyên	-	352.620
Cộng	<u>41.305.332</u>	<u>267.951.289</u>

9. **Tài sản ngắn hạn khác**
Khoản nhân viên tạm ứng.10. **Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.359.385.863	53.674.980.150	4.721.439.126	420.938.615	73.176.743.754
Tăng trong năm	2.521.765.500	420.200.000	-	256.854.546	3.198.820.046
Mua sắm mới	-	420.200.000	-	36.254.546	456.454.546
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.521.765.500	-	-	-	2.521.765.500
Phân loại lại tài sản	-	-	-	220.600.000	220.600.000
Giảm trong năm	-	(220.600.000)	(550.311.490)	(23.300.000)	(794.211.490)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(550.311.490)	(23.300.000)	(573.611.490)
Phân loại lại tài sản	-	(220.600.000)	-	-	(220.600.000)
Số cuối năm	<u>16.881.151.363</u>	<u>53.874.580.150</u>	<u>4.171.127.636</u>	<u>654.493.161</u>	<u>75.581.352.310</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.143.195.175	7.655.840.990	-	133.300.000	13.932.336.165

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.215.750.505	21.769.412.956	710.219.195	314.710.639	31.010.093.295
Khấu hao trong năm	1.288.433.562	6.409.347.392	417.112.752	93.071.933	8.207.965.639
Giảm trong năm	-	(346.430.310)	(550.311.490)	(23.300.000)	(920.041.800)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(550.311.490)	(23.300.000)	(573.611.490)
<i>Điều chỉnh khấu hao đã thanh lý năm 2009</i>	-	(346.430.310)	-	-	(346.430.310)
Số cuối năm	9.504.184.067	27.832.330.038	577.020.457	384.482.572	38.298.017.134
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.143.635.358	31.905.567.194	4.011.219.931	106.227.976	42.166.650.459
Số cuối năm	7.376.967.296	26.042.250.112	3.594.107.179	270.010.589	37.283.335.176
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

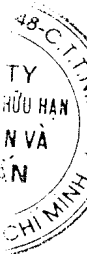
Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.135.282.376 VND và 16.534.672.598 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	19.758.224.300
Tăng trong năm	9.658.553.500
<i>Mua trong năm</i>	-
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	9.658.553.500
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	29.416.777.800
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.183.814.959
Khấu hao trong năm	450.554.964
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	1.634.369.923
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	18.574.409.341
Số cuối năm	27.782.407.877

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	12.180.319.000	-	(12.180.319.000)	-
XDCB dở dang	2.369.334.320	5.678.724.349	-	8.048.058.669
Cộng	14.549.653.320	5.678.724.349	(12.180.319.000)	8.048.058.669



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	-	6.634.920.000	-	7.857.811.600
Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long	213.492	4.134.920.000	213.492	4.134.920.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín		-	77.000	1.222.821.600
Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam		-	7	70.000
Cộng		6.634.920.000		7.857.811.600

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.030.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	310.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	2.340.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào	Số cuối năm
			chi phí trong năm	
Chi phí thuê đất nuôi cá	-	1.920.000.000	(80.000.000)	1.840.000.000
Cộng	-	1.920.000.000	(80.000.000)	1.840.000.000

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	908.031.490
Phát sinh trong năm	868.934.322
Hoàn nhập trong năm	(908.031.490)
Số cuối năm	868.934.322

17. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đến hạn trả trong năm 2012 (xem thuyết minh V.26).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	1.540.000.000
Số tiền vay phát sinh	4.000.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	1.540.000.000
Số tiền vay đã trả	(5.540.000.000)
Số cuối năm	1.540.000.000

18. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	2.093.832.757	-
Khách hàng nước ngoài	993.204.008	634.222.000
Cộng	<u>3.087.036.765</u>	<u>634.222.000</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(260.945.397)	260.945.397	-	-
Thuế xuất nhập khẩu (*)	(6.653.272)	-	(34.652.060)	(41.305.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.933.723.671	14.485.871.416	(13.436.355.960)	2.983.239.127
Thuế thu nhập cá nhân	19.024.776	312.160.381	(314.030.415)	17.154.742
Thuế tài nguyên (*)	(352.620)	4.165.650	(3.621.510)	191.520
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	79.275.000	(79.275.000)	-
Các khoản thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	<u>1.684.797.158</u>	<u>15.146.417.844</u>	<u>(13.871.934.945)</u>	<u>2.959.280.057</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu: 0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá: 5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2011 Công ty hết thời hạn hưởng ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 26/CN-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ.

Theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính Phủ về việc qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc Hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, thì Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011 do Công ty có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2011 trên 300 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.522.161.000	50.535.831.985
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.042.931.984	3.734.397.555
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(4.516.643.454)</u>	<u>(5.875.868.454)</u>
Thu nhập chịu thuế	78.048.449.530	48.394.361.086
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	78.048.449.530	48.394.361.086
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được ưu đãi	68.611.955.511	44.582.744.875
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	9.436.494.019	3.811.616.211
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	25%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	<u>25%</u>	<u>25%</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.512.112.383	7.640.315.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	<u>(5.145.896.663)</u>	<u>(3.343.705.866)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.366.215.720	4.296.609.918
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>119.655.696</u>	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>14.485.871.416</u>	<u>4.296.609.918</u>

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển Khu công nghiệp Cần thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HĐ/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2011 còn phải trả người lao động.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xuất hàng	2.590.118.683	1.909.050.000
Cước vận chuyển	410.500.000	-
Tiền công thuê ngoài	27.675.000	30.743.621
Chi phí lãi vay	28.939.167	31.056.667
Chi phí khác	250.735.100	59.309.672
Cộng	<u>3.307.967.950</u>	<u>2.030.159.960</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	933.782.069	598.625.765
Bảo hiểm xã hội	155.811.718	295.217.714
Bảo hiểm y tế	-	47.281.770
Bảo hiểm thất nghiệp	59.569.878	80.583.997
Phải trả khác	4.418.000	4.918.000
Cộng	<u>1.153.581.665</u>	<u>1.026.627.246</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.439.159.108	4.892.635.884	(2.712.972.268)	-	4.618.822.724
Quỹ phúc lợi	6.042.393.751	1.919.915.772	(2.290.273.247)	(649.490.000)	5.022.546.276
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.342.799.341	-	-	(83.924.964)	1.258.874.377
Cộng	<u>9.824.352.200</u>	<u>6.812.551.656</u>	<u>(5.003.245.515)</u>	<u>(733.414.964)</u>	<u>10.900.243.377</u>

25. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 20%/năm, dùng để đầu tư kho lạnh 2.500 tấn và 2 dây chuyền cấp đông IQF. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản với tổng trị giá là 22.847.531.218 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	1.540.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.080.000.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>4.620.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	4.620.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	-
Số tiền vay đã trả trong năm	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(1.540.000.000)
Số cuối năm	<u>3.080.000.000</u>

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	502.490.874
Số trích lập trong năm	555.092.220
Số chi trong năm	(220.037.619)
Số cuối năm	<u>837.545.475</u>

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

3204
CÔNG
CH NHIỆ
KIỂM T
TỬ V
TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Trả cổ tức đợt 02 của năm trước (20% mệnh giá)	20.479.728.000
Tạm ứng cổ tức đợt 01 của năm nay (18% mệnh giá)	16.455.355.200
Cộng	36.935.083.200

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.339.864	11.339.864
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.339.864	11.339.864
- Cổ phiếu phổ thông	11.339.864	11.339.864
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	2.200.000	1.013.340
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	1.013.340
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.139.864	10.326.524
- Cổ phiếu phổ thông	9.139.864	10.326.524
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

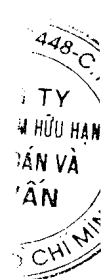
Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	640.620.122.323	512.557.289.371
- Doanh thu bán thành phẩm	639.866.572.339	511.958.193.053
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	753.549.984	599.096.318
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.323.809.074)	(12.154.592.124)
- Giảm giá hàng bán	(1.323.809.074)	(4.895.000.243)
- Hàng bán bị trả lại	-	(7.259.591.881)
Doanh thu thuần	639.296.313.249	500.402.697.247
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	638.542.763.265	499.803.600.929
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	753.549.984	599.096.318



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	392.260.062.300	259.412.761.785
Chi phí nhân công trực tiếp	28.907.972.837	22.335.226.087
Chi phí sản xuất chung	143.318.310.040	120.412.543.754
Tổng chi phí sản xuất trong năm	564.486.345.177	402.160.531.626
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm	23.580.614.005	9.128.308.057
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối năm	(12.290.558.081)	(23.580.614.005)
Giá thành sản xuất trong năm	575.776.401.101	387.708.225.678
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu năm	21.371.784.999	40.593.167.239
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối năm	(70.503.084.791)	(21.371.784.999)
Cộng	526.645.101.309	406.929.607.918

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.976.292.217	5.661.366.162
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	684.493.205	756.268.229
Lãi cho vay	3.389.096.600	1.622.258.960
Lãi đầu tư chứng khoán	618.669.988	3.860.207.550
Lãi bán ngoại tệ	4.027.569.430	6.168.071.648
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.787.953.372	6.682.746.652
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.716.494	265.654.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	2.296.573.376
Cộng	25.792.791.306	27.313.146.577

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.014.039.540	751.602.737
Thủ tục phí bán chứng khoán	44.573.328	103.556.448
Lỗ đầu tư chứng khoán	2.183.122.868	8.689.504.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	845.125.875	1.972.297.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	187.901.923	1.266.392.667
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	864.207.802	-
Chi phí tài chính khác	-	717.599
Cộng	5.138.971.336	12.784.071.884

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.117.696	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.810.873.543	46.729.429.096
Cộng	40.978.991.239	46.729.429.096

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.294.669.028	4.954.675.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.717.133	99.306.332
Thuế, phí lệ phí	308.410.106	261.642.755
Chi phí dự phòng	557.092.220	355.821.030
Chi phí khác	5.931.212.051	5.457.078.828
Cộng	<u>14.424.100.538</u>	<u>11.128.524.067</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	363.636.364	-
Thu hỗ trợ, tài trợ, khuyến mãi	47.433.256	278.352.243
Thu bán phế liệu	329.207.640	-
Thu tiền từ hàng bị trả lại	-	143.079.550
Thuế thu nhập cá nhân do không phải nộp	469.088	76.861.500
Công nợ không xác định được chủ nợ	165.821.122	-
Các khoản thu nhập khác	346.430.310	3.317.050
Cộng	<u>1.252.997.780</u>	<u>501.610.343</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	16.154.775
Khấu hao tài sản cố định của năm trước	168.584.694	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu quá hạn không được khấu trừ	260.945.397	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	61.979.164	11.184.259
Tiền thuê đất các năm trước	750.896	68.950.000
Các khoản chi phí khác	140.516.762	13.700.183
Cộng	<u>632.776.913</u>	<u>109.989.217</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	39.097.168	564.405.313
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Cộng	<u>39.097.168</u>	<u>564.405.313</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.997.192.416	45.674.816.754
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	63.997.192.416	45.674.816.754
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(*)	9.627.698	11.207.474
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.647	4.075

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.326.524	11.339.864
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(698.826)	(132.390)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.627.698	11.207.474

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	497.671.868.233	348.837.359.484
Chi phí nhân công	40.248.283.190	30.141.919.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.406.010.945	7.677.011.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.815.347.205	47.085.250.126
Chi phí khác	31.886.898.717	26.276.943.699
Cộng	625.028.408.290	460.018.484.789

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.503.327.549	742.142.938
Phụ cấp	324.054.344	159.600.000
Cộng	1.827.381.893	901.742.938

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.648.277.426	76.365.463.774	49.648.277.426	76.365.463.774
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.569.123.072	8.053.047.440	6.569.123.072	8.053.047.440
Phải thu khách hàng	76.316.874.136	79.159.395.978	76.316.874.136	79.159.395.978
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	31.221.031.826	37.379.852.410	31.221.031.826	37.379.852.410
Cộng	163.755.306.460	200.957.759.602	163.755.306.460	200.957.759.602
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.024.096.581	11.874.357.860	6.024.096.581	11.874.357.860
Vay và nợ	4.620.000.000	6.160.000.000	4.620.000.000	6.160.000.000
Các khoản phải trả khác	14.038.185.740	8.203.334.795	14.038.185.740	8.203.334.795
Cộng	24.682.282.321	26.237.692.655	24.682.282.321	26.237.692.655

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Tài sản cố định hữu hình	16.534.672.598	
Cộng	<u>16.534.672.598</u>	
Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình	21.504.016.005	
Cộng	<u>21.504.016.005</u>	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2011.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

7448-C
IG TY
IEM HUU H
TOÁN VÀ
VÂN
CỔ CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.024.096.581	-	-	6.024.096.581
Vay và nợ	1.540.000.000	3.080.000.000	-	4.620.000.000
Các khoản phải trả khác	10.165.640.265	3.872.545.475	-	14.038.185.740
Cộng	17.729.736.846	6.952.545.475		24.682.282.321
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	11.874.357.860	-	-	11.874.357.860
Vay và nợ	1.540.000.000	4.620.000.000	-	6.160.000.000
Các khoản phải trả khác	5.607.843.921	2.595.490.874	-	8.203.334.795
Cộng	19.022.201.781	7.215.490.874		26.237.692.655

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<u>Thay đổi tỷ giá USD (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>
Năm nay	+ 2%	1.979.218.460
	- 2%	(1.979.218.460)
Năm trước	+ 2%	1.599.618.263
	- 2%	(1.599.618.263)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

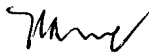
Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 6.569.123.072 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 8.053.047.440 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 492.684.230 VND (năm trước là 603.978.558 VND).



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

ngày 20 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

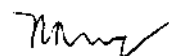
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	-	5.837.847.302	6.016.669.611	24.831.109.617	304.332.716.669
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	45.674.816.754	45.674.816.754
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	2.283.740.838	(6.851.222.513)	(4.567.481.675)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(24.702.485.808)	-	-	-	(24.702.485.808)
Điều chỉnh tăng, giảm quỹ	-	-	-	-	-	(27.386.625)	(406.073.499)	(433.460.124)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.349.660.000)	(28.349.660.000)
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(293.850.000)	(293.850.000)
Số dư cuối năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(24.702.485.808)	5.837.847.302	8.273.023.824	34.605.120.359	291.660.595.816
Số dư đầu năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(24.702.485.808)	5.837.847.302	8.273.023.824	34.605.120.359	291.660.595.816
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	63.997.192.416	63.997.192.416
Trích lập quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	3.199.859.621	(10.012.411.277)	(6.812.551.656)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(36.935.083.200)	(36.935.083.200)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(24.405.307.591)	-	-	-	(24.405.307.591)
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(351.900.000)	(351.900.000)
Số dư cuối kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(49.107.793.399)	5.837.847.302	11.472.883.445	51.302.918.298	287.152.945.785


Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởngLương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	638.542.763.265	753.549.984	-	639.296.313.249
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	638.542.763.265	753.549.984	-	639.296.313.249
Chi phí bộ phận	582.048.193.086	-	-	582.048.193.086
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.494.570.179	753.549.984	-	57.248.120.163
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				57.248.120.163
Doanh thu hoạt động tài chính				25.792.791.306
Chi phí tài chính				(5.138.971.336)
Thu nhập khác				1.252.997.780
Chi phí khác				(632.776.913)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.485.871.416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(39.097.168)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				63.997.192.416
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.055.178.895	-	-	8.055.178.895
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.486.010.945	-	-	8.486.010.945
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	499.204.165.655	1.198.531.592	-	500.402.697.247
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	499.204.165.655	1.198.531.592	-	500.402.697.247
Chi phí bộ phận	464.774.939.276	12.621.805	-	464.787.561.081
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.429.226.379	1.185.909.787	-	35.615.136.166
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				35.615.136.166
Doanh thu hoạt động tài chính				27.313.146.577
Chi phí tài chính				(12.784.071.884)
Thu nhập khác				501.610.343
Chi phí khác				(109.989.217)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.296.609.918)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(564.405.313)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				45.674.816.754
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.934.004.048	-	-	9.934.004.048
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.677.011.962	-	-	7.677.011.962
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



Nguyen Hoang Anh

Tran Thi Be Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc